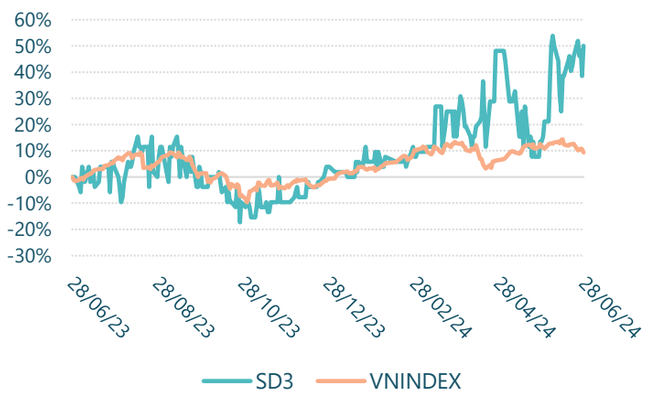
CTCP Sông Đà 3 (UPCOM: SD3)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	23.8%	**30.0%**	**50.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,300 - 8,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	125
Số lượng CPLH (CP)	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,635
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.78
EPS	-61
P/E	-127.0

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

32.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.00 | -17.9%

YoY: ▼12.8 | -28.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

2019%

YoY: +/-▲ 629%

LN gộp

Q2/24

20.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.70 | 14.9%

YoY: ▲ 6.60 | 46.4%

ROE (TTM)

Q2/24

-1.7%

YoY: +/-▼ 3.7%

LN trước thuế

Q2/24

-7.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.4 | -184%

YoY: ▼2.11 | -36.1%

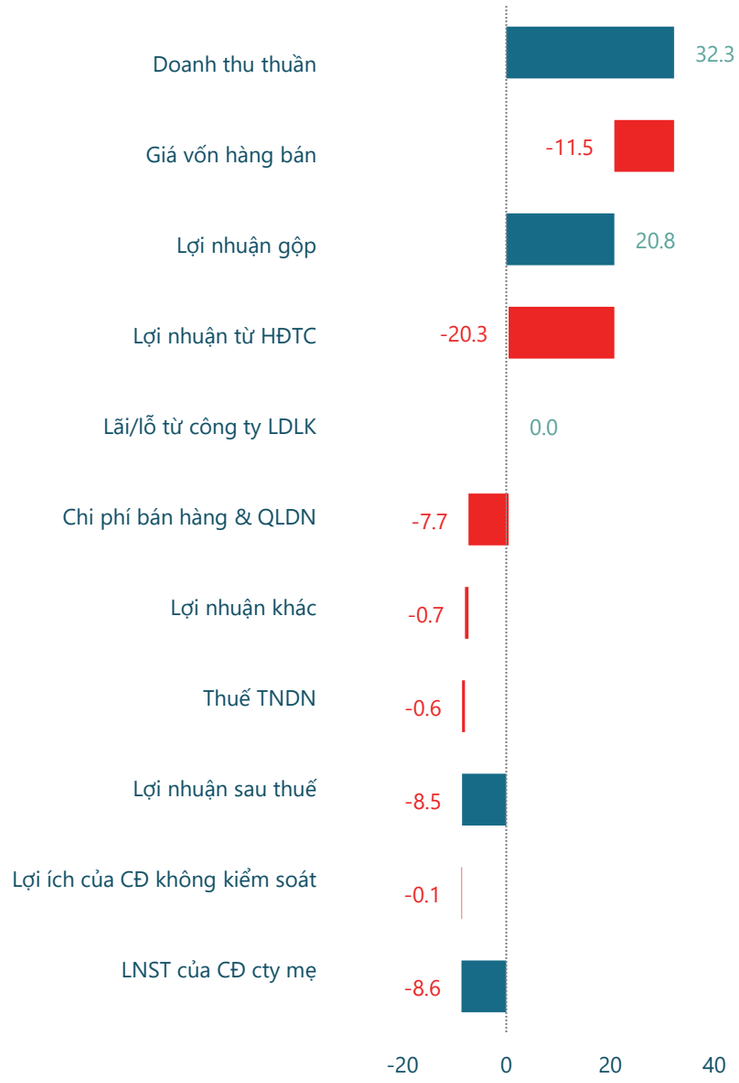
ROA (TTM)

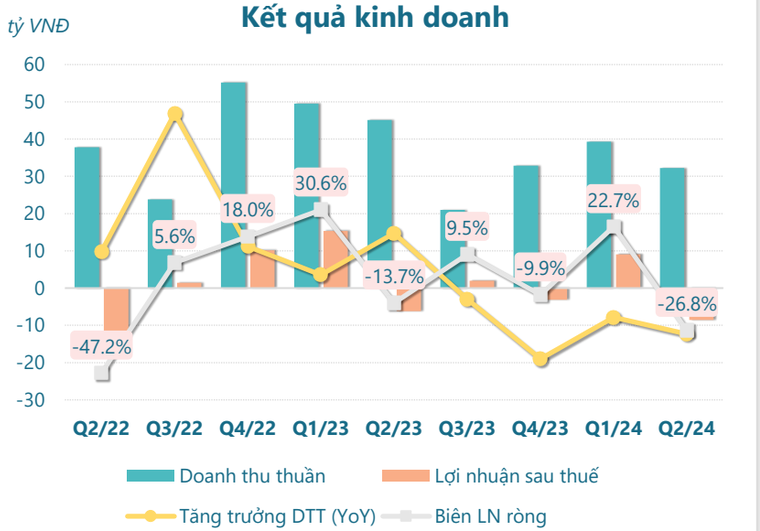
Q2/24

-0.1%

YoY: +/-▼ 0.2%

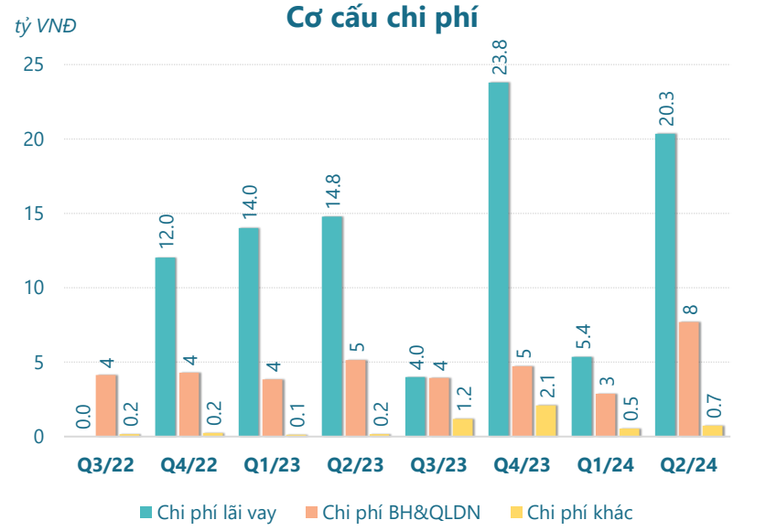
Kết quả kinh doanh Q2/24





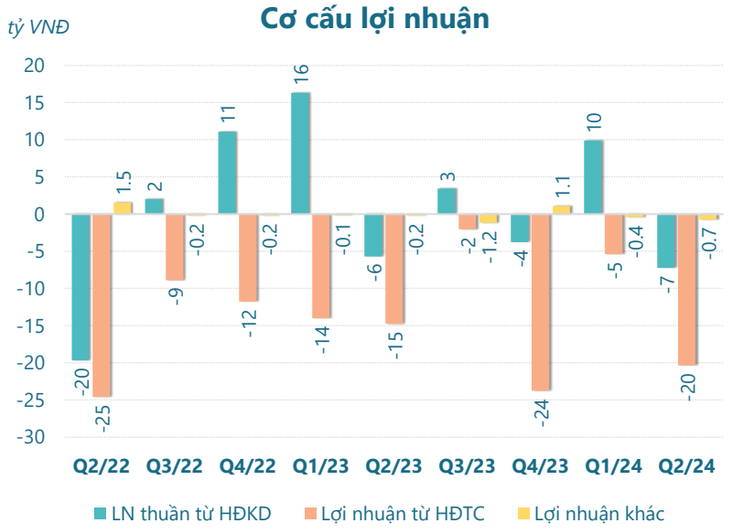
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 173% so với kỳ trước và giảm đi 1.56 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 20.34 tỷ đồng** giảm đi 14.98 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 5.58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.72 tỷ đồng** giảm đi 0.30 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.55 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SD3** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **32.27 tỷ đồng** giảm đi **28.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 8.52 tỷ đồng**, **giảm đi 2.35 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **72.00 tỷ đồng** thấp hơn 24.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** thấp hơn 88.9% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **20.35 tỷ đồng** tăng thêm 279% so với kỳ trước và cao hơn 37.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.70 tỷ đồng** tăng thêm 167% so với kỳ trước và cao hơn 49.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.74 tỷ đồng** tăng thêm 37.0% so với kỳ trước và cao hơn 335% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Sông Đà 3 (UPCOM: SD3)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.3**	**39.3**	**-17.9%**	**45.1**	**-28.5%**	**71.6**	**94.7**	**-24.4%**
Giá vốn hàng bán	11.5	21.2	-45.9%	30.9	-62.9%	32.7	46.2	-29.4%
Lợi nhuận gộp	20.8	18.1	14.9%	14.2	46.4%	38.9	48.4	-19.6%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.01	39.7%	0.02	0.03	-44.2%
Chi phí TC	20.3	5.37	279%	14.8	37.5%	25.7	28.8	-10.7%
Chi phí lãi vay	20.3	5.37	279%	14.8	37.5%	25.7	28.8	-10.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**7.70**	**2.88**	**167%**	**5.15**	**49.5%**	**10.6**	**9.00**	**17.6%**
LN thuần từ HĐKD	-7.24	9.88	-173%	-5.68	-27.5%	2.64	10.7	-75.2%
Lợi nhuận khác	**-0.72**	**-0.42**	**-71.1%**	**-0.17**	**-323%**	**-1.14**	**-0.30**	**-284%**
LN trước thuế	-7.96	9.46	-184%	-5.85	-36.1%	1.50	10.4	-85.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-8.52**	**9.03**	**-194%**	**-6.17**	**-38.1%**	**0.50**	**9.17**	**-94.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-8.64**	**8.92**	**-197%**	**-6.20**	**-39.4%**	**0.28**	**8.98**	**-96.9%**

